

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày: 17 - 12 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Thẩm phán: Ông Lê Quang Toại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bân
Ông Nguyễn Xuân Nam
Ông Trần Hoài Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Duy Khải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: A D (Tên gọi khác: Đinh Văn D), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; nơi ở trước khi bị bắt: Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Ca Dong; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn B, sinh năm 1961 và bà Đinh Thị M, sinh năm 1947; vợ: Y M1, sinh năm 1982, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/12/2023, đến ngày 13/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/7/2024 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo A D: Bà Võ Thị H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ: A P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Đinh Văn T, sinh ngày: 07/9/1996; nơi cư trú: Khu dân cư M, thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đinh Văn T: Ông Bùi Minh N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ: Số F đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn B, sinh ngày: 20/3/1961; nơi cư trú: Khu dân cư N, thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Đinh Văn B1, sinh ngày: 03/3/2003.
2. Anh Đinh Văn S, sinh ngày: 02/02/2002.
3. Chị Đinh Thị L, sinh ngày: 16/7/1988.
4. Anh Đinh Văn D2, sinh ngày: 14/4/2000.
5. Anh Đinh Văn T1, sinh ngày: 18/7/1998.
6. Anh Đinh Văn Đ, sinh ngày: 22/3/1999.

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Chị Y M1, sinh ngày: 01/01/1982; nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; nơi ở hiện tại: Thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Tất cả người làm chứng đều vắng mặt.

Người phiên dịch: Anh Đinh Long H1 – Địa chỉ công tác: Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A D sinh sống cùng vợ, con và cha ruột của mình là ông Đinh Văn B tại thôn M, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Sáng ngày 03/12/2023, D cùng ông Đinh Văn B, Đinh Văn T và một số người hàng xóm tổ chức uống rượu tại nhà ông B. Do uống rượu bị mệt nên đến trưa cùng ngày, D qua phòng bếp nằm ngủ. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T đến khu vực phòng bếp gần chỗ D nằm ngủ để nấu đồ ăn thì có chị Đinh Thị L đến chơi và nói chuyện với D. Lúc này, thấy D đang mệt nên T quay sang nói với D "ngủ đi, đừng nói chuyện với chị L nữa" xong T quay người lại tiếp tục nấu ăn, còn L đến phòng ngủ ngồi chơi điện thoại. Bực tức lời nói của T nên D từ phía sau đi đến dùng tay đánh vào người T 02 cái thì T dùng tay đánh lại trúng vào mặt D làm D bị chảy máu mũi rồi T ra phòng khách ngồi uống rượu cùng mọi người. Do bực tức vì bị T đánh chảy máu, D đến gian bếp lấy 01 con dao đi đến phòng khách. Thấy T đang ngồi, D từ phía sau đi đến tay phải cầm dao cắt 01 nhát vào vùng cổ bên trái của T, bị thương tích Thầy ôm cổ bỏ chạy ra ngoài; thấy vậy, ông B đứng dậy định giật dao của D thì bị D chém 01 nhát trúng vào tay trái. Lúc này, Đinh Văn B1 đang ở ngoài sân thấy D đang cầm dao đứng ở phòng khách thì B1 chạy vào giật dao trên tay D, còn T và ông B được đưa đi cấp cứu.

Kết quả trưng cầu giám định:

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 160/KLTTCT-TTPY ngày 07/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Q, kết luận thương tích của Đinh Văn T như sau:

+ Vết thương vùng cổ trái KT (4,5 X 0,1)cm.

+ Vật tác động gây thương tích: Do vật sắc tác động trực tiếp.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của [Bộ Y](#) tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của [Đinh Văn T](#) tại thời điểm giám định là: 02% (hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 161/KLTTCT-TTPY ngày 07/12/2023 của [Trung tâm Pháp y tỉnh Q](#), kết luận thương tích của [Đinh Văn B](#) như sau:

+ Vết thương vùng cổ tay trái KT (4,5 X 0,1)cm: 01%.

+ Vết thương vùng 1/3 dưới cẳng tay trái KT (2,5 X 0,1)cm: 01%.

+ Vật tác động gây thương tích: Các tổn thương trên phù hợp vật sắc gây thương tích.

+ Cơ chế tác động gây thương tích: Do vật sắc tác động trực tiếp.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của [Bộ Y](#) tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của [Đinh Văn B](#) tại thời điểm giám định là: 02% (hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Bản cáo trạng số: 95/CT-VKS ngày 17/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo A Danh về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo [A D](#) phạm tội “Giết người”. Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy con dao bị cáo đã sử dụng gây thương tích cho bị hại.

Luận cứ bào chữa của bà [Võ Thị H](#) cho bị cáo [A D](#): Thông nhất về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, học vấn thấp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo [A D](#) mức hình phạt 02 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến của ông [Bùi Minh N](#) – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại [Đinh Văn T](#):

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh phạm tội của bị cáo khi quyết định hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận số tiền bồi thường 500.000 đồng và không yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai tại quá trình điều tra, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử.

[1.1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo: Sáng ngày 03/12/2023, [A D](#) cùng ông [Đinh Văn B](#), [Đinh Văn T](#) và một số người hàng xóm uống rượu tại nhà ông [B](#). Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, [T](#) đến khu vực bếp nấu đồ ăn thì thấy [D](#) đang nói chuyện với chị [Đinh Thị L](#) nên [T](#) quay sang nói với [D](#) “ngủ đi, đừng nói chuyện với chị [L](#) nữa”. Bực tức lời nói của [T](#) nên [D](#) từ phía sau đi đến dùng tay đánh vào người [T](#) 02 cái thì [T](#) dùng tay đánh lại trúng vào mặt [D](#) làm [D](#) chảy máu mũi, [D](#) đến gian bếp lấy 01 con dao đi đến phòng khách. Thấy [T](#) đang ngồi, [D](#) từ phía sau đi đến, tay phải cầm dao cắt mạnh 01 nhát vào vùng cổ bên trái của [T](#) gây thương tích 02%. Thấy vậy, ông [B](#) đứng dậy định giật con dao của [D](#) thì bị chém 01 nhát trúng tay trái gây thương tích 02%.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo thực hiện hành vi dùng dao cắt vào vùng cổ là vùng trọng yếu của cơ thể con người, hành vi này có thể dẫn đến chết người. Anh [T](#) chưa chết là ngoài ý thức chủ quan của bị cáo. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo [A D](#) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 500.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại [Đinh Văn T](#) số tiền 500.000 đồng và bị hại có đơn bãi nại về phần dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 cây dao dài 48cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38cm, không còn giá trị sử dụng, tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với hành vi [A D](#) gây thương tích 02% ở tay trái cho ông [Đinh Văn B](#). Ông [B](#) đã có đơn bãi nại (bút lục số 324), không yêu cầu xử lý hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với [A D](#) là đúng quy định pháp luật.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đề nghị của người bào chữa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo [A D](#).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [A D](#) phạm tội “*Giết người*”.

2. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: [A D](#) 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (17/7/2024) được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/12/2023 đến ngày 13/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây dao dài 48cm, cán dao bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/12/2024 giữa [Công an tỉnh Q](#) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo [A.D.](#)

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/12/2024). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lê Thị Mỹ Giang**